

Số: 76 /2019/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 25 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH THUẬN
ĐẾN Số: 5033
Ngày: 16.8
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường;

Xét Tờ trình số 2326/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong việc thực hiện các nhiệm vụ, dự án về tài nguyên và môi trường, cụ thể như sau:

1. Các mức chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án:

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
1	Chi lập đề cương nhiệm vụ, dự án			
a	Lập đề cương nhiệm vụ	Nhiệm vụ	700.000 - 1.500.000	Tuỳ theo mức độ phức tạp của nhiệm vụ, dự án mà UBND tỉnh phê duyệt dự toán cụ thể
b	Lập đề cương dự án	Dự án	2.000.000 - 4.000.000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
2	Họp hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ, dự án			<i>Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm</i>
a	Chủ tịch Hội đồng	người/ buổi	350.000	
b	Thành viên, thư ký		200.000	
c	Đại biểu được mời tham dự		100.000	
d	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350.000	
đ	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		200.000	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	350.000	<i>Trường hợp không thành lập Hội đồng</i>
4	Điều tra, khảo sát			
a	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	300.000	
b	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
-	Cá nhân	Phiếu	+ Nhỏ hơn hoặc bằng 30 chỉ tiêu: 30.000 đồng. + Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 40.000 đồng. + Trên 40 chỉ tiêu: 50.000 đồng.	
-	Tổ chức		+ Nhỏ hơn hoặc bằng 30 chỉ tiêu: 50.000 đồng. + Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 60.000 đồng. + Trên 40 chỉ tiêu: 75.000 đồng. Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là cơ quan, đơn vị nhà nước mức hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi cho các đối tượng trên.	
c	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài theo vụ việc nếu có)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày bằng 150% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
d	Chi cho người dẫn đường	người/ ngày	100.000	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
đ	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc		200.000	
5	Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, dự án			
a	Nhiệm vụ	Báo cáo	3.000.000	
b	Dự án		6.000.000 - 9.000.000	<i>Tùy theo mức độ phức tạp của nhiệm vụ, dự án mà UBND tỉnh phê duyệt dự toán cụ thể</i>
6	Hội thảo (nếu có)			
a	Người chủ trì	người/ buổi hội thảo	350.000	
b	Thư ký hội thảo		200.000	
c	Đại biểu được mời tham dự		100.000	
d	Báo cáo tham luận	Bài viết	250.000	
7	Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ, dự án			
a	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
-	Chủ tịch hội đồng	người/ buổi	300.000	
-	Thành viên, thư ký		150.000	
b	Nghiệm thu dự án:			
-	Chủ tịch Hội đồng	người/ buổi	500.000	
-	Thành viên, thư ký hội đồng		300.000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350.000	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)		300.000	
-	Đại biểu được mời tham dự	người/ buổi	100.000	

2. Tỷ lệ chi phí quản lý chung trong thực hiện các nhiệm vụ, dự án:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên); doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ, dự án: Chi phí quản lý chung được xác định theo tỷ lệ % tính trên chi phí trực tiếp, quy định cho từng nhóm công việc như sau:

Nhóm công việc	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc có định mức kinh tế kỹ thuật)	Nhiệm vụ, dự án (hoặc hạng mục công việc không có định mức kinh tế kỹ thuật)
1. Ngoại nghiệp		
Nhóm I	20%	16%
Nhóm II	18%	13%
Nhóm III	14%	11%
2. Nội nghiệp (nhóm I, II, III)	11%	8%

Trong đó:

- Ngoại nghiệp: Gồm toàn bộ các công việc thực hiện ở thực địa.
- Nội nghiệp: Gồm toàn bộ các công việc thực hiện trong phòng làm việc.
- Các nhóm công việc của nhiệm vụ, dự án: Theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ, dự án theo đơn giá không tính chi phí khấu hao tài sản cố định, thì chi phí quản lý chung được tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định).

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý nhà nước đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên, thực hiện nhiệm vụ, dự án (nếu có): Chi phí quản lý chung là 18 triệu đồng/năm/nhiệm vụ, dự án,

đối với nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp đến 5 tỷ đồng; trường hợp nhiệm vụ, dự án có tổng chi phí trực tiếp lớn hơn 5 tỷ đồng thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.

3. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 06 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban công tác Đại biểu - UBTW Quốc hội;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, T.Duy.

150



Nguyễn Mạnh Hùng